TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2025**/DS-ST
Ngày: 17/6/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Châu Bích Phượng**;

2. Ông **Đỗ Thanh Hiền**;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Quốc Vinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 03 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-DS ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2025/QĐST – DS ngày 29/5/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Võ Huy K**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Tăng Thị Hồng H, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số A, đường L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/3/2025).

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà H, vắng mặt bà L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 11/03/2025 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn **Võ Huy K** trình bày:*

Ngày 15/7/2024, bà Nguyễn Thị L và ông Võ Huy K ký hợp đồng mượn tiền, theo đó bà L mượn ông K số tiền 500.000.000đồng, thời hạn là 06 tháng, đến ngày 15/01/2025 sẽ trả nợ gốc, phương thức trả nợ gốc do hai bên tự thỏa thuận. Bà Nguyễn Thị L và ông K có lập thêm Biên nhận mượn tiền, trong đó lãi thỏa thuận là 1,66%/tháng. Từ khi nhận đủ 500.000.000đồng vào ngày 15/7/2024, bà L không trả tiền gốc cũng không trả lãi vay cho ông K, việc này đã làm cho ông K gặp nhiều khó khăn.

Nay, ông K yêu cầu bà L trả cho ông 500.000.000đồng nợ gốc và số tiền lãi tính từ ngày 15/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 1,66%/tháng. Tạm tính lãi đến ngày nộp đơn khởi kiện là 08 tháng với số tiền lãi là: 500.000.000đồng x 8 tháng x 1,66%/tháng = 66.400.000đồng.

** Bị đơn chị **Nguyễn Thị Lệ D** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ. Chị cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù chị đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, các tài liệu liên quan đến các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa hôm nay

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà H có thay đổi yêu cầu khởi kiện đối vối phần tiền lãi, cụ thể bà chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền 500.000.000đồng từ ngày 16/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn 05 tháng với lãi suất là 0,83%/tháng.

- Chị L vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - ***Về thủ tục tố tụng:*** Bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn Lệ.

Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5 và Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

[3] - *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:*

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Tăng Thị Hồng H xuất trình được bản chính Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024 giữa ông Võ Huy K và bà Nguyễn Thị L, được Văn phòng C, quyển số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD cùng ngày. Qua đó thể hiện nội dung bà L có vay của ông K số tiền 500.000.000đồng từ ngày 15/7/02024, thời hạn vay là 06 tháng. Đây là tổng số tiền hai lần bà L vay của ông K được ghi nhận tại hai hợp đồng: Hợp đồng mượn tài sản ngày 11/5/2024 và Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024, cả hai hợp đồng đều được công chứng theo luật định. Trước khi ký hợp đồng ngày 11/5/2024, bà L đã nhận 350.000.000đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 06/5/2024, còn 150.000.000đồng nợ vay còn lại thì bà L nhận ngay khi ký Hợp đồng mượn tiền ngày 15/7/2024.

Bà H khẳng định, từ ngày vay đến nay bà L không trả được nợ gốc cho ông K và ông K có thông tin đến bà là ông cho bà L vay tiền có tính lãi suất là 1,66%/tháng, tuy nhiên trong hai hợp đồng lại không thể hiện lãi suất như ông K đã thông tin đến bà. Do đó tại phiên tòa, bà không yêu cầu tính lãi vay trong hạn 06 tháng mà chỉ yêu cầu bà L trả lãi chậm trả tiền vay cho ông K từ ngày 16/01/2025 đến ngày 17/6/2025 (tính tròn 05 tháng) với lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng, thành tiền là 20.750.000đồng. Tổng cộng số tiền ông K yêu cầu bà L trả cho ông là 520.750.000đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn L, đã nhận được các tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không có bất kỳ phản hồi nào đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của đại diện nguyên đơn thuộc trường hợp không cần phải chứng minh.

Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa đôi bên thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và không lãi; đến hạn trả tiền mà bị đơn không trả được nợ cho nguyên đơn như đã thỏa thuận, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả đủ số nợ gốc và lãi tổng cộng là 520.750.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466, Điều 468 và Điều 280 Bộ luật Dân sự.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 520.750.000đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] - *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu: 20.000.000đồng + 4% x (520.750.000đồng – 400.000.000đồng) = 24.830.000đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 5, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 và Khoản 4 Điều 466, Điều 468 và Điều 280 Bộ luật Dân sự ;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Huy K đối với bị đơn Nguyễn Thị Lệ .

Buộc bị đơn Nguyễn Thị L trả cho nguyên đơn Võ Huy K số tiền nợ **520.750.000 (năm trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng**, trong đó nợ gốc là 500.000.000đồng và nợ lãi là 20.750.000đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm thi hành số tiền nói trên cho ông K thì bà L còn phải trả lãi cho ông K đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Nguyễn Thị L phải chịu **24.830.000** (hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ngàn) **đồng**.

- H1 lại cho nguyên đơn Võ Huy K số tiền **13.328.000** (mười ba triệu ba trăm hai mươi tám ngàn) **đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012606 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI